VOCABULARY TEST 11

Task 1: Multiple Choice Questions - Match the Vocabulary with Definitions

1. advertising agency
   - a) n. chiến dịch quảng cáo
   - b) n. cửa hàng bán lẻ
   - c) n. công ty quảng cáo
   - d) n. phương tiện truyền thông
2. personal steamer
   - a) n. máy xông hơi du lịch
   - b) n. máy xông hơi cá nhân
   - c) n. máy xông hơi công nghiệp
   - d) n. tờ rơi
3. retail store
   - a) n. cửa hàng bán lẻ
   - b) n. người nội trợ
   - c) n. đối tượng mục tiêu
   - d) n. khẩu hiệu
4. homemaker
   - a) n. máy xông hơi công nghiệp
   - b) n. thời lượng phát sóng
   - c) n. người nội trợ
   - d) n. ngân sách
5. industrial steamer
   - a) n. máy xông hơi du lịch
   - b) n. máy xông hơi công nghiệp
   - c) n. công ty quảng cáo
   - d) n. khẩu hiệu
6. travel steamer
   - a) n. áp phích
   - b) n. máy xông hơi cá nhân
   - c) n. máy xông hơi du lịch
   - d) n. đối tượng mục tiêu
7. promotional campaign
   - a) n. chiến dịch quảng cáo
   - b) n. quảng cáo phân loại
   - c) n. tạo ra sự nhận diện thương hiệu
   - d) n. thời lượng phát sóng
8. target audience
   - a) n. khẩu hiệu
   - b) n. ngân sách
   - c) n. đối tượng mục tiêu
   - d) n. phương tiện truyền thông
9. slogan
   - a) n. khẩu hiệu
   - b) n. máy xông hơi công nghiệp
   - c) n. thời lượng phát sóng
   - d) n. tờ rơi
10. effective
    - a) n. người nội trợ
    - b) adj. hiệu quả
    - c) n. chiến dịch quảng cáo
    - d) n. đối tượng mục tiêu
11. commercials
    - a) adj. quảng cáo
    - b) n. khẩu hiệu
    - c) n. tờ rơi
    - d) n. thời lượng phát sóng
12. media
    - a) n. phương tiện truyền thông
    - b) n. quảng cáo phân loại
    - c) n. ngân sách

LIVEWORKSHEETS

- d) n. cửa hàng bán lẻ

13. classified ad
    - a) n. đối tượng mục tiêu
    - b) n. áp phích
    - c) n. quảng cáo phân loại
    - d) n. khẩu hiệu
14. poster
    - a) n. khẩu hiệu
    - b) n. đối tượng mục tiêu
    - c) n. tạo ra sự nhận diện thương hiệu
    - d) n. áp phích
15. flyer
    - a) n. ngân sách
    - b) n. tờ rơi
    - c) n. người nội trợ
    - d) n. phương tiện truyền thông
16. air time
    - a) n. ngân sách
    - b) n. máy xông hơi công nghiệp
    - c) n. thời lượng phát sóng
    - d) n. khẩu hiệu
17. budget
    - a) n. ngân sách
    - b) n. tờ rơi
    - c) n. máy xông hơi cá nhân
    - d) n. áp phích
18. gain publicity
    - a) n. tạo ra sự nhận diện thương hiệu
    - b) v. tăng cường sự công khai
    - c) v. đặt quảng cáo
    - d) n. khẩu hiệu
19. create brand recognition
    - a) n. khẩu hiệu
    - b) n. chiến dịch quảng cáo
    - c) n. tạo ra sự nhận diện thương hiệu
    - d) v. tăng cường sự công khai
20. place ads
    - a) v. đặt quảng cáo
    - b) n. phương tiện truyền thông
    - c) n. đối tượng mục tiêu
    - d) n. người nội trợ

Task 2: Sentence Completion Complete the sentences with the appropriate vocabulary word.

advertising agency/ flyers / travel steamer / commercials/ poster / promotional campaign/ classified ad/ retail store/ target audience/ gain publicity/ target audience/ budget

1. The _____ developed a promotional campaign for the new product.
2. The company's _____ was successful in reaching the _____.
3. He saw the _____ in the newspaper and decided to buy it.
4. The _____ shown on television were very effective.
5. She used a _____ to steam her clothes while traveling.
6. The _____ in the store displayed the latest products.

LIVEWORKSHEETS

7. The _____ was designed to _____ the company's product.
8. The media indicated that the show had reached a wide _____.
9. The _____ were placed all over the city to promote the event.
10. They had to adjust the _____ to afford more _____ on TV.

Task 3: Multiple Choice Questions Choose the correct word to complete each sentence.

1. The _____ was responsible for creating the _____ for the new campaign.
   - a) retail store / media
   - b) advertising agency / slogan
   - c) homemaker / air time
   - d) industrial steamer / flyer
2. The _____ indicated that the new product had become very _____ among the _____.
   - a) commercials / effective / target audience
   - b) poster / budget / media
   - c) flyer / homemaker / air time
   - d) budget / industrial steamer / commercials
3. The company decided to _____ in newspapers and _____ to _____ for their latest product.
   - a) place ads / media / gain publicity
   - b) budget / commercials / slogan
   - c) effective / target audience / create brand recognition
   - d) create brand recognition / personal steamer / homemaker
4. The _____ was used by the _____ to promote the new service.
   - a) personal steamer / homemaker
   - b) classified ad / media
   - c) air time / slogan
   - d) flyer / advertising agency

LIVEWORKSHEETS

5. He used a _____ because it was _____ and easy to carry.
    - a) retail store / promotional campaign
    - b) travel steamer / effective
    - c) poster / media
    - d) classified ad / flyer

Task 4: Rearrange the following words to form coherent sentences.

1. The / to / company / created / gain / an / publicity / campaign / effective.
2. A / budget / advertising / requires / careful / agency / planning.
3. Promotional / the / the / reach / target / helped / campaign / audience.
4. Classified / product / in / the / ad / a / newspaper / saw / he.
5. Company / air time / commercials / the / for / television / on / bought.

1 2

3 4

5

Task 5: Multiple Choice Questions - Synonym Matching Choose the correct synonym for each word.

1. Effective
    - a) useless
    - b) efficient
    - c) costly
    - d) complicated
2. Budget
    - a) expense
    - b) saving
    - c) plan
    - d) luxury
3. Slogan
    - a) phrase
    - b) poster
    - c) flyer
    - d) ad

LIVEWORKSHEETS

4. Gain publicity
    - a) advertise
    - b) ignore
    - c) announce
    - d) promote

5. Media
    - a) store
    - b) agency
    - c) press
    - d) market

LIVEWORKSHEETS